

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất bao bì Quan Châu tại Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Xét nội dung Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất vải không dệt và mặt nạ dưỡng da gửi kèm Công văn số 20210410/QC-HC ngày 10/4/2021 của Công ty TNHH Quan Châu về việc chỉnh sửa, bổ sung nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất bao bì Quan Châu;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 329/TTr-STNMT ngày 17/5/2021 và hồ sơ kèm theo.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất bao bì Quan Châu với diện tích 33.019 m<sup>2</sup> tại Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (sau đây viết tắt là dự án) do Công ty TNHH Quan Châu làm Chủ dự án với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền thực hiện các nội dung sau:

1. Xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Kiểm tra, thanh tra, giám sát Chủ dự án trong thực hiện nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

3. Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (nếu có) của Dự án.

4. Trường hợp Chủ dự án vi phạm các quy định tại quyết định này, kịp thời báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương; Chủ tịch UBND huyện Núi Thành, Trưởng Ban Quản lý khu kinh tế mở Chu Lai; Chủ tịch UBND xã Tam Hiệp, Giám đốc Công ty TNHH Quan Châu, thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng PC05;
- Phòng TN&MT huyện Núi Thành;
- Lưu: VT, KTN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hồ Quang Bửu**

Quyết định phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường này đã được đăng ký Nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam.

Số đăng ký: ĐK/ĐTM ngày tháng năm 2021

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
GIÁM ĐỐC**



## Phụ lục

# CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT BAO BÌ QUAN CHÂU

Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2020  
của UBND tỉnh Quảng Nam)

## 1. Thông tin về Dự án:

### 1.1. Các thông tin về Dự án

- Tên Dự án: Nhà máy sản xuất bao bì Quan Châu tại Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Quan Châu.
- Địa chỉ liên hệ: Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

### 1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

#### a) Phạm vi Dự án:

Nhà máy sản xuất bao bì Quan Châu của Công ty TNHH Quan Châu được đầu tư xây dựng tại Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Diện tích thực hiện là 33.019 m<sup>2</sup>, Dự án có giới hạn như sau:

- Phía Đông Bắc: Giáp đường số 02 Khu công nghiệp.
- Phía Đông Nam: Giáp đường số 03 KCN, Công ty TNHH Dacotex Hải Âu Xanh.
- Phía Tây Bắc: Giáp Công ty TNHH CCI Việt Nam.
- Phía Tây Nam: Giáp Công ty Cổ phần Gạch men Anh em DIC.

#### b) Quy mô của Dự án:

- Diện tích 33.019m<sup>2</sup>.
- Công suất thiết kế: 60.000 tấn bao bì thành phẩm/năm.
  - + Giai đoạn 1: 40.000 tấn bao bì thành phẩm/năm.
  - + Giai đoạn 2: 20.000 tấn bao bì thành phẩm/năm.
- Sản phẩm của dự án:
  - + Bao bì chứa thức ăn chăn nuôi: 56.000 tấn bao bì thành phẩm/năm.
  - + Bao bì đựng phân bón: 2.000 tấn bao bì thành phẩm/năm.
  - + Bao bì đựng thực phẩm: 1.000 tấn bao bì thành phẩm/năm.
  - + Bao bì đựng nông sản đã qua chế biến: 1.000 tấn bao bì thành phẩm/năm.

(Sản phẩm tự phân hủy khi để ngoài trời 6 tháng)

**1.3. Các hạng mục chính của Dự án:**

<b>TT</b>	<b>Hạng mục</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
<b>I</b>	<b>Diện tích xây dựng</b>	<b>17.636</b>	<b>53,41 %</b>
1	Nhà văn phòng	175	
2	Nhà xưởng sản xuất (nhà xưởng 1,2,3,4)	5.280	
3	Mái che	2.025	
4	Nhà bảo vệ	43	
5	Kho	722	
6	Trạm biến áp	57	
7	Bể nước làm mát + PCCC	273	
8	Nhà ăn	257	
9	Kho chứa chất thải	32	
10	Nhà vệ sinh	25	
11	Nhà nghỉ	118	
12	Bể nước lọc	109	
13	Nhà xưởng sản xuất 5	1.320	
14	Nhà xưởng sản xuất 6	2.400	
15	Nhà xưởng sản xuất 7	4.800	
<b>II</b>	<b>Diện tích sân bãi, giao thông nội bộ</b>	<b>8.578</b>	<b>25,98%</b>
<b>III</b>	<b>Diện tích cây xanh, thảm cỏ</b>	<b>6.805</b>	<b>20,60%</b>
<b>Tổng cộng</b>		<b>33.019</b>	<b>100</b>

**1.4. Nguyên liệu trong hoạt động sản xuất:**

<b>STT</b>	<b>Tên vật liệu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Khối lượng</b>	<b>Nguồn cung cấp</b>
1	Hạt nhựa nguyên sinh PP, PE	Tấn/năm	39.000	Các nhà cung cấp trong nước
2	Hạt nhựa PP M9600 (trộn đẽ trắng màng)	Tấn/năm	9.300	Hàn Quốc
3	Hạt nhựa Taical (trộn đẽ trắng màng)	Tấn/năm	8.400	Các nhà cung cấp trong nước
4	Chỉ may	Tấn/năm	50	Các nhà cung cấp trong nước
5	Mực in	Tấn/năm	40	Các nhà cung cấp trong nước
6	Hóa chất (Dung môi pha mực in)	Tấn/năm	4	Các nhà cung cấp trong nước

*Ghi chú: Hạt nhựa sử dụng làm nguyên liệu tại nhà máy 100% là hạt nhựa nguyên sinh.*

## **2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:**

### **2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:**

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị:

- Đối với môi trường không khí: Bụi, khí thải, tiếng ồn.
- Đối với môi trường nước: Nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn.
- Đối với chất thải: Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

b) Trong giai đoạn vận hành:

- Đối với môi trường không khí: Bụi, khí thải, tiếng ồn.
- Đối với môi trường nước: Nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn.
- Đối với chất thải: Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

### **2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:**

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị:

- Bụi thải từ quá trình đào đắp đất tại 03 nhà xưởng.
- Khí thải phát sinh từ việc vận hành máy móc thiết bị thi công tại công trình.
- Khí thải của công đoạn hàn, cắt sắt thép thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị.

b) Trong giai đoạn vận hành:

- Bụi thải: Bụi đất từ hoạt động giao thông, hoạt động lắp đặt thiết bị, bụi từ công đoạn kéo sợi, dệt của Nhà máy hiện tại.
- Khí thải:
  - + Khí thải từ hoạt động của máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông chủ yếu là CO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>.
  - + Mùi nhựa từ quá trình gia nhiệt, định hình hạt nhựa (chất gây mùi ở đây là VOC).
  - + Hơi dung môi sơn từ công đoạn in (VOC).

### **2.3. Quy mô, tính chất của nước thải:**

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị:

- Lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn thi công xây dựng: 0,9 m<sup>3</sup>/ngày. Tính chất của nước thải sinh hoạt bao gồm các thông số ô nhiễm đặc trưng là TSS, BOD<sub>5</sub>, COD, các chất dinh dưỡng (N, P) và các vi sinh vật.
- Lượng nước thải sinh hoạt tại nhà máy hiện hữu: 5 m<sup>3</sup>/ngày.
- Nước thải xây dựng trong quá trình thi công xây dựng: 0,5 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần nước thải có tính kiềm, độ đục cao, chứa nhiều đất, cát, xi măng, vụn bê

tông và các tạp chất lơ lửng khác.

*b) Trong giai đoạn vận hành:*

- Lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn hoạt động: 15 m<sup>3</sup>/ngày. Tính chất của nước thải sinh hoạt bao gồm các thông số ô nhiễm đặc trưng là TSS, BOD<sub>5</sub>, COD, Nitrat, Amoni, Photphat, các chất hoạt động bề mặt, Coliform.

- Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng lớn nhất: 776 (l/s), chứa các tạp chất cuốn theo trên bề mặt khu vực dự án.

#### **2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:**

*a) Trong giai đoạn thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị:*

- Chất thải rắn xây dựng: các loại phế thải trong xây dựng như đất đá, gạch vỡ, bao bì xi măng, sắt thép vụn, đất đào dư thừa do thi công móng, nền nhà xưởng với khối lượng 50-60 kg/ngày. Khối lượng đất đào dư thừa khoảng 2.172 m<sup>3</sup>.

- Chất thải rắn sinh hoạt: chủ yếu bao bì ni lông, chai lọ bằng nhựa, thủy tinh, vỏ đồ hộp, thực phẩm thừa với khối lượng 10 kg/ngày.

*b) Trong giai đoạn vận hành:*

- Chất thải rắn sinh hoạt: thực phẩm thừa, bao nilon, giấy... khoảng 180 kg/ngày.

- Chất thải rắn sản xuất: phế phẩm từ các công đoạn sản xuất của Nhà máy và các loại chất thải rắn sản xuất khác với khối lượng khoảng 29,14 tấn/ngày.

#### **2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:**

*a) Trong giai đoạn thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị:*

Chất thải nguy hại chủ yếu là các loại giẻ lau dính dầu mỡ, phụ tùng hư hỏng dính dầu mỡ với khối lượng 05 kg/ngày.

*b) Trong giai đoạn vận hành:*

Chất thải nguy hại chủ yếu là các loại bóng đèn huỳnh quang, cầu chì, giẻ lau có nhiễm dầu mỡ phát sinh trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, máy móc, hộp mực in thải bỏ với khối lượng 22 kg/ngày.

### **3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường:**

#### **3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị:**

*a) Đối với nước thải:*

- *Nước thải sinh hoạt*

+ Chủ dự án sử dụng 03 nhà vệ sinh hiện có của Nhà máy sản xuất bao bì Quan Châu hiện hữu; Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Bắc Chu Lai để tiếp tục xử lý trước khi thải ra môi trường.

*- Nước thải xây dựng*

+ Đối với nước thải do rửa dụng cụ sau mỗi ngày làm việc được thu gom, lắng cặn hằng ngày tại hố lắng bố trí tại công trường xây dựng.

+ Bố trí công nhân thường xuyên dọn dẹp công trường sạch sẽ.

*b) Đối với bụi và khí thải:*

*- Đối với quá trình thi công xây dựng*

+ Lập kế hoạch thi công, lắp đặt máy móc thiết bị hợp lý, hạn chế tối đa việc tập trung nhiều máy móc thiết bị cùng lúc.

+ Áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến, cơ giới hóa các thao tác tháo gỡ và lắp đặt máy móc, thiết bị ở mức tối đa, hạn chế phát sinh tiếng ồn.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân khi thực hiện lắp đặt máy móc. Công nhân phải tuân thủ theo các điều kiện bảo hộ lao động được đề ra trong quá trình thao tác.

*- Đối với Nhà máy hiện tại*

+ Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động làm việc tại công đoạn kéo sợi và dệt, thiết kế các nhà xưởng thông thoáng, rộng rãi, đảm bảo thông gió.

+ Bố trí công nhân thường xuyên dọn vệ sinh khu vực Nhà máy và sân vườn sạch sẽ.

+ Thực hiện tốt công tác thu gom, xử lý chất thải rắn phát sinh tránh để tồn đọng lâu.

- Chăm sóc tốt hệ thống cây xanh trong Nhà máy để phần nào giảm thiểu ô nhiễm không khí và tiếng ồn.

*c) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn:*

- Chất thải rắn xây dựng: Toàn bộ chất thải rắn xây dựng được công nhân thu gom hằng ngày:

+ Đối với chất thải rắn xây dựng có khả năng tái chế như sắt, thép vụn, các loại xà bần, gỗ, ... phát sinh trong và sau quá trình xây dựng còn có giá trị sử dụng được thu gom để tái sử dụng hoặc bán lại cho các cá nhân hay đơn vị có nhu cầu.

+ Những chất thải còn lại không tận dụng được sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

+ Đối với đào dư thừa do việc đào đắp khi thi công tại Dự án (2.172 m<sup>3</sup>) sẽ được tận dụng để san lấp những khu vực trũng thấp trong khu vực Nhà máy.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thùng rác có nắp đậy để thu gom và được Công ty Cổ phần môi trường đô thị Quảng Nam định kỳ thu gom xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn sản xuất (của Nhà máy sản xuất bao bì Quan Châu hiện tại):

+ Đối với phế phẩm từ các công đoạn sản xuất của Nhà máy (dệt, kéo sợi, tráng, in, cắt may, lồng bao) và bao bì không đạt yêu cầu tại khâu kiểm tra và đóng gói sau khi thu gom Công ty tái sử dụng làm nguyên liệu sản xuất.

+ Đối với chất thải rắn không thể tái sử dụng: Nhà máy hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Nam thu gom, vận chuyển đi xử lý định kỳ.

*d) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại*

Bố trí các thùng rác riêng biệt để thu gom, lưu giữ trong kho chất thải nguy hại hiện có của Nhà máy sau đó được Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Nam thu gom và xử lý theo quy định.

### **3.2. Trong giai đoạn hoạt động:**

*a) Về xử lý bụi trong quá trình sản xuất:*

- Đối với bụi tại công đoạn kéo sợi và dệt:

+ Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động, thiết kế các nhà xưởng thông thoáng, rộng rãi, đảm bảo thông gió.

+ Tại công đoạn nạp liệu kéo sợi và công đoạn dệt bố trí quạt công nghiệp, đồng thời chủ đầu tư sẽ cho công nhân dọn dẹp sạch sẽ các khu vực này vào cuối ca làm việc.

*b) Về xử lý khí thải trong quá trình sản xuất:*

- Đối với mùi nhựa phát sinh từ quá trình gia nhiệt, định hình hạt nhựa:

+ Công đoạn phát sinh mùi nhựa do quá trình gia nhiệt, định hình hạt nhựa (ngoại trừ công đoạn tạo hạt) tại Dự án đều là các dây chuyền sản xuất hiện đại, khép kín và nguyên liệu đầu vào của Dự án là nhựa nguyên sinh nên mùi nhựa đặc trưng được hạn chế rất nhiều.

+ Áp dụng công nghệ sản xuất (khép kín) nhằm ngăn ngừa phát tán mùi nhựa phát sinh từ quá trình gia nhiệt, định hình hạt nhựa ra môi trường.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho tất cả công nhân làm việc tại nhà máy như quần áo, khẩu trang... theo quy định của Công ty.

+ Lắp đặt hệ thống thông gió, làm mát cho phân xưởng sản xuất. Thông thoáng nhà xưởng bằng cửa thông gió. Hiện tại số lượng hệ thống thông gió là 13 hệ thống, lắp đặt tại các xưởng, cách nhau từ 3-6m và cách mặt đất 2,5 - 3m. Ngoài ra ở những vị trí máy kéo sợi, máy tạo hạt và máy tráng màng có bố trí quạt công nghiệp.

+ Định kỳ, tổ chức khám sức khỏe cho toàn bộ CBCNV Nhà máy.

+ Riêng tại công đoạn tạo hạt (tái chế phế phẩm phát sinh từ quá trình sản xuất của Nhà máy), đối với mùi hôi phát sinh từ công đoạn tạo hạt này Công ty sẽ



thu gom hơi nhựa bằng chụp hút tại vị trí phát sinh, sau đó dẫn đến bể nước hấp thụ. Tại bể nước hấp thụ xảy ra quá trình tiếp xúc giữa pha khí và pha nước giúp việc hấp thụ hơi nhựa, mùi hôi phát sinh được diễn ra dễ dàng. Nước tại bể nước hấp thụ được tái sử dụng không thải ra môi trường.

- Đối với hơi dung môi tại công đoạn in:

+ Sử dụng máy in công nghiệp để in lên bao bì.

+ Sử dụng mực in có nguồn gốc từ thực vật không có các thành phần nguy hại. Đồng thời dự án sử dụng dung môi để pha mực in là cồn.

+ Tất cả các công nhân làm việc trực tiếp tại công đoạn in đều sẽ được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ.

*c) Về xử lý nước thải:*

- Nước thải sinh hoạt: từ hoạt động vệ sinh của cán bộ công nhân viên được thu gom, xử lý sơ bộ bằng 03 bể tự hoại ba ngăn hiện có của Nhà máy hiện tại. Tổng thể tích của 3 bể là 65m<sup>3</sup>. Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau khi xử lý bằng bể tự hoại sẽ được dẫn theo đường ống nhựa D114mm ra hố ga sau đó đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải chung của KCN Bắc Chu Lai xử lý trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải nhà ăn: Toàn bộ nước thải nhà ăn phát sinh tại nhà máy sau khi được chặn rác bằng chặn rác inox gắn tại bồn rửa (chén, bát,...), sau đó qua bể tách dầu mỡ nhằm loại bỏ lượng dầu mỡ thải sẽ được dẫn theo đường ống nhựa D90mm ra hố ga sau đó đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải chung của KCN Bắc Chu Lai để xử lý.

- Nước mưa chảy tràn: được thu gom vào hệ thống thoát nước mưa của dự án, dọc các tuyến công được bố trí các hố ga và song chắn rác dùng để thu gom và lắng cặn, sau đó thoát vào mạng lưới thoát nước mưa chung của khu công nghiệp.

*d) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn (CTR):*

- Chất thải rắn thông thường:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thùng chứa rác tại khu vực làm việc và xung quanh nhà máy. Đối với chất thải rắn có thể tái sử dụng như chai lọ, nhà máy thu gom lại định kỳ bán cho các cơ sở thu mua tái chế. Đối với chất thải rắn sinh hoạt không thể tái sử dụng như thức ăn thừa, bao bì nilon được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

+ Chất thải rắn sản xuất: Bố trí các thùng chứa rác thải dọc khu vực Dự án để thu gom. Xây dựng kho chứa chất thải rắn sản xuất (bố trí gần nhà xưởng xây mới), có diện tích 71,25m<sup>2</sup>. Đối với Phế phẩm từ các công đoạn sản xuất của Nhà máy (dệt, kéo sợi, tráng, in, cắt may, lồng bao) và bao bì không đạt yêu cầu tại khâu kiểm tra và đóng gói sau khi thu gom Công ty tái sử dụng làm nguyên liệu sản xuất. Đối với chất thải rắn không thể tái sử dụng: hợp đồng với Công ty Cổ

phần Môi trường Đô thị Quảng Nam thu gom, vận chuyển đi xử lý.

- Chất thải nguy hại: thu gom vào thùng chứa có nắp đậy, có nhãn dán chứa trong kho chứa CTNH có diện tích 18,2 m<sup>2</sup> hiện có tại Nhà máy. Sau đó hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Nam thu gom, vận chuyển đi xử lý.

*e) Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và ô nhiễm khác:*

- Tiếng ồn:

+ Bố trí máy móc trên dây chuyền sản xuất hợp lý để giảm sự cộng hưởng của tiếng ồn.

+ Vận hành máy móc, thiết bị đúng kỹ thuật.

+ Thường xuyên kiểm tra cân bằng, độ mài mòn chi tiết.

+ Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các thiết bị, máy móc, đặc biệt là các loại máy móc phát sinh tiếng ồn đáng kể.

+ Trang bị dụng cụ bảo hộ chống ồn cho công nhân tại các công đoạn phát sinh tiếng ồn lớn (nút bịt tai, mũ bảo hộ lao động...).

+ Nhà xưởng được bao che mái vách bằng tole Zincalum dày 05(mm), xung quanh khuôn viên Nhà máy được trồng cây xanh để hạn chế tiếng ồn phát sinh.

- Giảm thiểu tác động do nhiệt thừa từ quá trình sản xuất:

+ Lắp quạt thông gió tự nhiên (bố trí trên các mái nhà xưởng) và quạt thông gió cưỡng bức (bố trí tại các công đoạn phát sinh nhiệt).

+ Nhà xưởng xây dựng thông thoáng.

+ Chăm sóc tốt cây xanh tại Nhà máy để che nắng, giảm bức xạ mặt trời và tạo cảm giác êm dịu về màu sắc cho khu vực.

+ Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân trực tiếp làm việc tại những công đoạn phát sinh nhiệt thừa nhiều.

*f) Các biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó rủi ro, sự cố môi trường:*

- Phòng chống sự cố cháy nổ: Hiện tại, Nhà máy đã trang bị đầy đủ các dụng cụ PCCC và đã có giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.

- Sự cố tai nạn lao động: Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cá nhân cho công nhân; Đảm bảo các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động đạt tiêu chuẩn do Bộ Y tế quy định nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động; Định kỳ kiểm tra sức khỏe cho cán bộ, công nhân làm việc tại nhà máy để phát hiện kịp thời các bệnh nghề nghiệp; Thực hiện tốt các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, tạo môi trường làm việc tốt nhất có thể cho người lao động; Tuân thủ các quy định về an toàn lao động và an toàn sản xuất.

#### 4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

STT	Tên công trình	Số lượng	Đơn vị
<b>I</b>	<b>Các công trình bảo vệ môi trường hiện có của Nhà máy hiện tại</b>		
1	Bể tự hoại 3 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt + Bể tự hoại tại nhà văn phòng: 2,6mx2mx1,5m + Bể tự hoại tại nhà nghỉ: 2,6mx2mx1,5m + Bể tự hoại tại nhà vệ sinh chung cho toàn nhà máy: 7,35mx3,55mx1,9m	03	BỂ
2	Hệ thống thoát nước mưa	01	Hệ thống
3	Hệ thống thoát nước thải	01	Hệ thống
4	Kho lưu trữ CTNH	18,2	m <sup>2</sup>
5	Thùng chứa rác để thu gom CTR và CTNH	-	-
<b>II</b>	<b>Các công trình bảo vệ môi trường của Nhà máy xây dựng thêm sau khi nâng công suất</b>		
1	Hệ thống thu gom xử lý mùi hôi từ công đoạn tạo hạt	01	Hệ thống
2	Kho chứa chất thải rắn sản xuất	71,25	m <sup>2</sup>
3	Hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn của 03 nhà xưởng mới	01	Hệ thống
4	Thùng chứa rác để thu gom CTR và CTNH tại 03 nhà xưởng mới	-	-

#### 5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án:

##### 5.1. Giám sát, quan trắc môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Giám sát chất lượng môi trường không khí xung quanh
- + Vị trí giám sát: 01 điểm tại khu vực đang thi công xây dựng.
- + Thông số giám sát: vi khí hậu, tiếng ồn, bụi lơ lửng, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO.
- + Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- + Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần, thực hiện khi bắt đầu thi công được ½ tháng cho đến khi kết thúc thi công xây dựng.
- Giám sát môi trường lao động
- + Vị trí giám sát: 01 điểm tại vị trí máy kéo sợi, máy tạo hạt và máy tráng màng có công suất lớn nhất.
- + Thông số giám sát: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO.
- + Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về

vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc, QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc, QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại

+ Phân loại chất thải tại nguồn theo quy định.

+ Thường xuyên theo dõi quá trình thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại tại Dự án.

+ Tần suất: Thường xuyên.

### **5.2. Giám sát, quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động:**

- Giám sát môi trường nước thải

+ Nước thải đã được thu gom và đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Bắc Chu Lai để xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường. Nên việc giám sát môi trường nước thải tuân thủ theo yêu cầu của Chủ đầu tư hạ tầng KCN.

- Giám sát môi trường lao động

+ Vị trí giám sát: 01 điểm tại vị trí máy kéo sợi, máy tạo hạt và máy tráng màng có công suất lớn nhất.

+ Thông số giám sát: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO.

+ Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc, QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc, QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại.

+ Phân loại chất thải tại nguồn theo quy định.

+ Thường xuyên theo dõi quá trình thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải rắn tại Dự án.

+ Tần suất: Thường xuyên.

### **6. Trách nhiệm của Chủ dự án:**

6.1. Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động Dự án.

6.2. Tuân thủ các yêu cầu về phòng ngừa, ứng cứu sự cố, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động, an toàn hóa chất trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.3. Tất cả các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu được sử dụng trong dự án đều không thuộc danh mục cấm sử dụng ở Việt Nam theo quy định hiện hành.

6.4. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý khu kinh tế mở Chu Lai, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Núi Thành để được hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

6.5. Xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 của năm trước để theo dõi, giám sát và thực hiện đầy đủ Chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Số liệu giám sát phải được cập nhật đầy đủ và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra, đánh giá diễn biến về chất lượng môi trường của khu vực.

6.6. Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Núi Thành trước khi bắt đầu tiến hành vận hành thử nghiệm ít nhất 20 (hai mươi) ngày làm việc. Thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải từ 03 (ba) đến 06 (sáu) tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm. Sau khi kết thúc thời gian vận hành thử nghiệm phải thông báo kết quả hoàn thành về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND huyện Núi Thành để được theo dõi, giám sát.

6.7. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 (ba mươi) ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND huyện Núi Thành để kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vận hành chính thức.

6.8. Trong quá trình triển khai dự án, Chủ dự án có những thay đổi quy định tại Khoản 2, Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường thuộc các trường hợp được quy định cụ thể tại Điểm 4 Khoản 7 Điều 1 tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ phải có văn bản báo cáo gửi UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi sau khi có quyết định chấp thuận về môi trường của UBND tỉnh.

## **7. Các điều kiện liên quan kèm theo:**

7.1. Thiết kế cơ sở và các công trình bảo vệ môi trường trong thiết kế cơ sở của Dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

7.2. Chủ dự án chịu trách nhiệm về công tác an toàn về xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và công tác bảo vệ môi trường trong quá trình chuẩn bị, triển khai, xây dựng và vận hành Dự án; tuân thủ nghiêm các quy định của UBND tỉnh, các quy định pháp luật hiện hành của nhà nước.

7.3. Thu gom, phân loại và xử lý toàn bộ chất thải rắn phát sinh đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường, an toàn và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

7.4. Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để giảm thiểu bụi, tiếng ồn trong quá trình thi công và vận hành Dự án.

7.5. Thu gom, xử lý các loại khí thải phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án, bảo đảm đạt các Quy chuẩn Việt Nam về môi trường hiện hành trước khi thoát ra môi trường.

7.6. Xây dựng, đấu nối và vận hành hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải vào hệ thống thoát nước của Khu công nghiệp Bắc Chu Lai đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

7.7. Có các biện pháp kỹ thuật an toàn và môi trường phù hợp nhằm giảm thiểu tác động của Dự án tới các hoạt động giao thông đường bộ; có các biện pháp cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông bị ảnh hưởng bởi việc thực hiện dự án; thực hiện nghiêm túc chiều cao xây dựng, các yêu cầu về an ninh, quốc phòng; không làm ảnh hưởng đến các hoạt động cứu hộ, cứu nạn, tới các di tích văn hóa, các hoạt động du lịch trong khu vực.

7.8. Tiến hành trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án song song với quá trình thi công xây dựng; đảm bảo tỷ lệ cây xanh tối thiểu đạt quy định của quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

7.9. Lập và thực hiện phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường cho Dự án; tuân thủ các quy định của pháp luật về chất lượng cấp nước sinh hoạt, an toàn hóa chất, tài nguyên nước và các quy phạm kỹ thuật trong quá trình thực hiện Dự án.

7.10. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án lập văn bản báo cáo và chỉ thực hiện những thay đổi khi có văn bản chấp thuận Ủy ban nhân dân tỉnh.

7.11. Đền bù những thiệt hại môi trường do Dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường của Việt Nam và Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

7.12. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường, đảm bảo các cam kết như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.